

UBND TỈNH QUẢNG NAM
THANH TRA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/KL-TTT

Quảng Nam, ngày 18 tháng 01 năm 2024

KẾT LUẬN

Thanh tra việc chấp hành các quy định của nhà nước về hoạt động khoáng sản trên địa bàn các huyện: Nam Trà My, Phú Ninh, Duy Xuyên, Đông Giang tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2015 - 2022

Thực hiện Quyết định số 119/QĐ-TTT ngày 02/8/2023 của Chánh Thanh tra tỉnh Quảng Nam về thanh tra việc chấp hành các quy định của nhà nước về hoạt động khoáng sản trên địa bàn các huyện: Nam Trà My, Phú Ninh, Duy Xuyên, Đông Giang tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2015 - 2022. Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại 10 mỏ khai thác khoáng sản trên địa bàn các huyện: Nam Trà My (01 mỏ), Phú Ninh (02 mỏ), Duy Xuyên (05 mỏ), Đông Giang (02 mỏ) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung thanh tra từ ngày 15/8/2023 đến ngày 10/11/2023. Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 01/BC-ĐTTtr ngày 28/11/2023 của Đoàn thanh tra, Văn bản giải trình số 01/CVGBS-2024 ngày 15/01/2024 của Công ty TNHH SX DV&TM Bàn Sơn, Văn bản giải trình không số ngày 12/01/2024 của Công ty CP Đầu tư KONGO; Chánh Thanh tra tỉnh kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Quảng Nam là địa phương có nhiều nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng, trong đó nhiều loại khoáng sản có trữ lượng lớn, có giá trị kinh tế cao như: Vàng, cát, đá xây dựng... Trong thời gian qua, Quảng Nam đã tập trung chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tăng cường công tác quản lý các hoạt động khai thác khoáng sản; công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về khoáng sản được quan tâm thực hiện. Các địa phương đã tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra việc thực hiện dự án, việc chấp hành các quy định về đất đai, khoáng sản, bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn được triển khai thường xuyên, qua đó góp phần hạn chế tình trạng khai thác khoáng sản trái phép, khai thác ngoài giấy phép..., từng bước đưa hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh đi vào nền nếp, đem lại hiệu quả kinh tế và góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, tình trạng khai thác khoáng sản trái phép vẫn còn diễn ra ở một số địa phương, việc chấp hành pháp luật về khoáng sản, môi trường, đất đai của một số tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản chưa cao, một số đơn vị vẫn còn nợ các khoản nghĩa vụ tài chính và chậm trễ trong việc hoàn thổ, cải tạo phục hồi môi trường, đất đai khi giấy phép khai thác đã hết hạn,...

II. KẾT QUẢ THANH TRA

Thanh tra tỉnh đã tiến hành kiểm tra tại 10 mỏ khai thác khoáng sản (trên 09 đơn vị khai thác), trong đó:

- 01 mỏ tại huyện Nam Trà My: Mỏ đá thôn 1 xã Trà Don (do Công ty CP Đầu tư Tư vấn và Xây dựng Bình An Phú khai thác).

- 02 mỏ tại huyện Phú Ninh: Mỏ đá tại Đồi Cù Lao, thôn Ngọc Giáp, xã Tam Dân (do Công ty CP Đầu tư KONGO khai thác); Mỏ đất, đá tại Dự án xây dựng Nhà máy chế biến dăm gỗ và sản xuất viên nén sinh học xuất khẩu tại xã Tam Dân, huyện Phú Ninh (do Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Vạn Tín Thành khai thác). Ngoài ra, Công ty CP Đầu tư KONGO còn được UBND tỉnh cấp phép khai thác tận thu đất san lấp tại mỏ đá Đồi Cù Lao.

- 05 mỏ tại huyện Duy Xuyên: Mỏ cát tại thôn Phú Lạc, xã Duy Hòa (do Công ty CP Tư vấn Xây dựng Tân Phước Yên khai thác); 02 Mỏ đá tại thôn An Trung, xã Duy Trung (do Công ty CP Công trình Giao thông vận tải Quảng Nam khai thác); Mỏ đất sét tại Khu vực Nà Đạt, thôn Thanh Xuyên, xã Duy Thu (do Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Phan Ngọc Anh khai thác); Mỏ đất sét tại Khu vực Đồng Xe, thôn Phú Đa 2, xã Duy Thu (do Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Bàn Sơn khai thác).

- 02 mỏ tại huyện Đông Giang: Mỏ cát, sỏi, cuội tại thôn 5, xã Ba (do Công ty TNHH Xây dựng – Dịch vụ vận tải và Thương mại Chiến Khánh khai thác); Mỏ đá tại thôn Ba Liêng, xã A Ting (do Doanh nghiệp Tư nhân Tiến Thịnh khai thác).

Trên cơ sở kết quả kiểm tra thực tế tại hiện trường các mỏ, kết quả kiểm tra đối chiếu hồ sơ pháp lý, sổ sách, chứng từ tại các doanh nghiệp, Đoàn thanh tra đã kiểm tra, đánh giá việc chấp hành các quy định của nhà nước đối với các đơn vị, cụ thể như sau:

1. Tại huyện Nam Trà My

Mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn 1, xã Trà Don, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam do Công ty Cổ phần Đầu tư Tư vấn và Xây dựng Bình An Phú (Công ty Bình An Phú) khai thác.

* Về hồ sơ pháp lý:

Công ty Bình An Phú trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá thuộc thôn 1 xã Trà Don, huyện Nam Trà My tại Quyết định số 1986/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của UBND huyện Nam Trà My. Ngày 02/2/2018, UBND tỉnh đã cấp Giấy phép số 489/GP-UBND cho phép Công ty Bình An Phú thăm dò khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá thuộc thôn 1 xã Trà Don, huyện Nam Trà My.

Ngày 01/6/2020, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1765/QĐ-UBND phê duyệt tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá thuộc thôn 1 xã Trà Don, huyện Nam Trà My. Theo đó tổng số tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản là 858.557.000 đồng.

Ngày 12/6/2020, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1601/QĐ-UBND phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng công trình

khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá thuộc thôn 1 xã Trà Don, huyện Nam Trà My. Theo đó tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là 1.427.732.000 đồng.

Ngày 03/9/2020, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1601/QĐ-UBND cho phép Công ty Bình An Phú khai thác mỏ đá thuộc thôn 1 xã Trà Don, huyện Nam Trà My. Theo đó, diện tích khu vực khai thác mỏ là 9.945 m², trữ lượng khai thác 129.995 m³, công suất khai thác 20.000 m³/năm, thời hạn khai thác 7 năm.

** Về thủ tục đất đai:*

Công ty Bình An Phú được UBND tỉnh thu hồi đất và cho thuê đất để khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường, khu phụ trợ, đường công vụ... với tổng diện tích là 18.327,2 m² (trong đó: Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 diện tích 10.338,6 m², Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 diện tích 7.988,6 m²). Đến nay, Công ty Bình An Phú đã ký Hợp đồng thuê đất số 100/HĐTĐ ngày 18/11/2021 với Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TN&MT) với diện tích 10.338,6 m² để khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường.

** Về lĩnh vực khai thác khoáng sản:*

Công ty Bình An Phú có bổ nhiệm ông Võ Minh Việt có bằng Cử nhân địa chất làm Giám đốc điều hành mỏ, theo Quyết định số 01/QĐ-BAP ngày 03/4/2021; Công ty đã thông báo bằng văn bản về trình độ chuyên môn, năng lực của Giám đốc điều hành mỏ về cơ quan quản lý nhà nước tại Thông báo số 01/TB ngày 05/4/2021. Công ty đã thực hiện đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ tại Báo cáo số 10/BC ngày 12/10/2021 và ngày hoạt động khai thác mỏ tại Báo cáo số 11/BC ngày 05/12/2021 cho cơ quan chức năng. Công ty có lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt khai thác; có báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản theo quy định. Công ty có lắp đặt 01 trạm cân 60 tấn và 01 camera ở vị trí đối diện với trạm cân. Trạm cân và camera hoạt động bình thường.

** Về thực hiện nghĩa vụ với NSNN:*

- Thuế tài nguyên (Thuế TN) và Phí bảo vệ môi trường (Phí BVMT): Từ tháng 12/2021 (thời điểm bắt đầu khai thác mỏ) đến tháng 9/2023, Công ty Bình An Phú đã kê khai nộp Thuế TN và Phí BVMT đối với đá thành phẩm các loại 9.560,9 m³ và đá hỗn hợp sau nổ mìn 41.760,38 m³, tổng số tiền Thuế TN, Phí BVMT Công ty đã nộp là 875.075.455 đồng (trong đó: Thuế TN 736.287.751 đồng và Phí BVMT là 138.787.704 đồng). Qua kiểm tra cho thấy, tổng số thuế, phí Công ty chưa nộp, kê khai thiếu, chưa kê khai là 182.433.000 đồng, cụ thể:

+ Năm 2023 (tính đến tháng 9/2023): Đã kê khai, chưa nộp Thuế TN, Phí BVMT đối với đá khai thác số tiền 149.012.000 đồng (Thuế TN 113.699.449 đồng và Phí BVMT 35.312.560 đồng).

+ Năm 2021 đến năm 2022: Kê khai thiếu Phí BVMT số tiền 3.274.000 đồng.

- Chưa kê khai và nộp Phí BVMT liên quan đến đất bóc tầng phủ xúc đổ bãi thải từ năm 2021 đến năm 2023, tổng số tiền 11.238.000 đồng (51.084 m² * 220 đồng/m²) theo Nghị định 164/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản.

- Chưa kê khai và nộp Phí BVMT đối với nước thải công nghiệp năm 2022 và 2023 số tiền 5.000.000 đồng theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định Phí BVMT đối với nước thải là 2.500.000 đồng/năm.

+ Chưa kê khai Thuế TNDN đối với 170 m³ đá 1x2 xuất sử dụng cho công trình của Công ty với số tiền 13.909.000 đồng (áp dụng đơn giá cùng thời điểm với đơn giá bán ra cho các Công ty khác là 409.090,91 đồng/m³).

- Công ty đã thực hiện nộp đủ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 1765/QĐ-UBND ngày 01/7/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam số tiền 858.557.000 đồng.

- Công ty đã thực hiện nộp tiền ký quỹ phục hồi môi trường từ năm 2021 đến 2022 số tiền 740.314.735 đồng/1.427.732.000 đồng (theo Quyết định số 1601/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam). Năm 2023 công ty chưa nộp.

- Công ty đã thực hiện nộp tiền thuê đất từ năm 2021 đến 2023 số tiền 34.090.063 đồng (trong đó: Năm 2021 là 4.635.500 đồng; năm 2022 là 16.753.593 đồng; năm 2023 là 12.700.970 đồng).

2. Tại huyện Phú Ninh

a) Mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường và khai thác đất san lấp, xây dựng công trình (khoáng sản đi kèm) trong quá trình bóc tầng phủ Mỏ đá tại Đồi Cù Lao, thôn Ngọc Giáp, xã Tam Dân, huyện Phú Ninh do Công ty Cổ phần Đầu tư KONGO (Công ty KONGO) khai thác.

** Về hồ sơ pháp lý:*

Ngày 09/3/2011, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 740/QĐ-UBND cho phép Công ty CP Thiên Trường Chi nhánh Quảng Nam (Công ty Thiên Trường) khai thác, chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường và thu hồi đất cho thuê đất tại Đồi Cù Lao, thôn Ngọc Giáp, xã Tam Dân. Trong đó: Diện tích khu vực khai thác và thuê đất là 5,335 ha, trữ lượng khoáng sản khai thác 2.359.908 m³, công suất khai thác 100.000 m³ đá thành phẩm/năm, thời hạn khai thác đến hết 03/2016. Ngày 22/6/2016, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2182/QĐ-UBND gia hạn Giấy phép khai thác đá đến hết ngày 30/3/2036 với trữ lượng tiếp tục khai thác là 1.559.322 m³.

Ngày 09/3/2011, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 557/QĐ-UBND phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cải tạo phục hồi môi trường của Dự án khai thác và chế biến đá xây dựng. Theo đó, tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là 762.331.772 đồng. Ngày 19/02/2020, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 421/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Dự án cải tạo phục hồi môi trường của Dự án, trong đó: Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là 834.530.000 đồng.

Ngày 03/3/2017, Công ty Thiên Trường ký hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác mỏ đá cho Công ty KONGO. Ngày 23/3/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1012/QĐ-UBND cho phép Công ty Thiên Trường chuyển

nhượng quyền khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường cho Công ty KONGO.

Ngày 22/4/2020, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1167/QĐ-UBND cho phép Công ty KONGO được khai thác đất san lấp, xây dựng công trình (khoáng sản đi kèm) trong quá trình bóc tầng phủ Mỏ đá tại Đồi Cù Lao, thôn Ngọc Giáp, xã Tam Dân, huyện Phú Ninh trong khu vực nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản và thuê đất theo Quyết định số 1020/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 của UBND tỉnh, trong đó: Diện tích khai thác đất san lấp là 5,353 ha, trữ lượng đất san lấp khai thác là 74.985 m³, công suất khai thác 9.373 m³, thời gian khai thác là 8 năm.

** Về thủ tục đất đai:*

Ngày 09/5/2018, Công ty KONGO đã ký hợp đồng thuê đất với Sở TN&MT với diện tích thuê là 53.530 m² (theo Quyết định số 1020/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 của UBND tỉnh), thời hạn thuê đất từ ngày 23/3/2018 đến 30/3/2036, nộp tiền thuê đất hằng năm.

Qua kiểm tra cho thấy: Hợp đồng thuê đất 19.341 m² đất để xây dựng Khu chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đã hết thời hạn thuê đất từ năm 2016 nhưng Công ty KONGO chưa lập thủ tục gia hạn thời gian thuê đất theo quy định. Tuy nhiên, theo Văn bản giải trình ngày 12/01/2024 của Công ty hiện nay đang lập thủ tục xin tiếp tục thuê diện tích đất nêu trên và đang chờ các cơ quan chức năng hướng dẫn, giải quyết.

** Về lĩnh vực khai thác khoáng sản:*

Công ty KONGO có bổ nhiệm ông Nguyễn Hải Nam có bằng Kỹ sư mỏ làm Giám đốc điều hành mỏ, theo Quyết định số 01/QĐ-KG ngày 28/02/2020; Công ty đã thông báo bằng văn bản về trình độ chuyên môn, năng lực của Giám đốc điều hành mỏ về cơ quan quản lý nhà nước tại Công văn số 02/CV-KG ngày 02/3/2020.

Công ty đã thực hiện đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác cho cơ quan nhà nước tại Thông báo số 07/TB-KG ngày 24/3/2020. Công ty có lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt khai thác; có báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản theo quy định. Công ty có lắp đặt 01 trạm cân 80 tấn và 01 camera ở vị trí đối diện với trạm cân. Trạm cân và camera hoạt động bình thường. Tuy nhiên, Công ty KONGO đã ký hợp đồng cho Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Chí Thiện Phú thuê nhằm thực hiện cân bán đá thành phẩm sau chế biến là vi phạm khoản 2, Điều 42 Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ⁽¹⁾.

** Về thực hiện nghĩa vụ với NSNN:*

- Thuế TN và Phí BVMT: Từ năm 2020 đến 15/8/2023, Công ty KONGO đã kê khai nộp Thuế TN và Phí BVMT đối với 217.273 m³ đá và 41.382,7 m³ đất san lấp, tổng số tiền Thuế TN, Phí BVMT Công ty đã nộp là 4.139.812.695 đồng

⁽¹⁾ Điều 42. Xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế

2. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, trừ hộ kinh doanh phải lắp đặt trạm cân tại vị trí đưa khoáng sản nguyên khai ra khỏi khu vực khai thác; lắp đặt camera giám sát tại các kho chứa để lưu giữ thông tin, số liệu liên quan.

(trong đó: Thuế TN 3.354.530.340 đồng và Phí BVMT là 785.282.355 đồng). Qua kiểm tra, đối chiếu cho thấy: Công ty KONGO đã kê khai và nộp đầy đủ Thuế TN và Phí BVMT đối với sản lượng đá, đất san lấp đã khai thác.

- Công ty KONGO đã thực hiện nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam và các Thông báo của Cục Thuế tỉnh Quảng Nam (Thông báo số: 789/TB-CT ngày 31/01/2019; 1481/TB-CT ngày 05/03/2020; 3420/TB-CTQNA ngày 29/4/2021; 2542/TB-CTQNA ngày 07/4/2022; 2199/TB-CTQNA ngày 30/3/2023) số tiền 3.277.500.000 đồng. Số tiền còn phải nộp trong kỳ 2 năm 2023 là 327.750.000 đồng.

Công ty Thiên Trường đã nộp tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường trước khi chuyển nhượng số tiền 208.174.265 đồng. Công ty KONGO tiếp tục thực hiện nộp tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường lần thứ 01 năm 2022, 2023 là 84.713.297 đồng (theo Giấy xác nhận số 07/XN-QBVMT ngày 24/02/2023 của Quỹ Bảo vệ môi trường).

- Tiền thuê đất:

+ Thuê Mỏ: Công ty đã thực hiện nộp tiền thuê đất từ ngày 23/3/2018 đến ngày 22/3/2023 số tiền 555.320.220 đồng, số tiền còn phải nộp là 29.227.380 đồng.

+ Đất làm Khu chế biến 19.341 m²: Từ tháng 4/2016 đến nay vẫn sử dụng nhưng chưa lập thủ tục thuê đất theo quy định.

+ Đất làm Khu vực bãi thải 10.000 m² và Đất các công trình phụ trợ 2.000 m²: Từ tháng 11/2011 đến nay vẫn sử dụng nhưng chưa lập thủ tục thuê đất theo quy định.

b) Mỏ đất san lấp xây dựng công trình và đá tảng lẫn làm vật liệu xây dựng thông thường dư thừa trong quá trình thực hiện xây dựng Nhà máy chế biến dăm gỗ và sản xuất viên nén sinh học xuất khẩu tại xã Tam dân, huyện Phú Ninh do Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Vạn Tín Thành (Công ty Vạn Tín Thành) khai thác.

* Về hồ sơ pháp lý:

Ngày 25/3/2022, Sở TN&MT đã ban hành Quyết định số 183/QĐ-STNMT phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án khai thác khoáng sản đất san lấp xây dựng công trình và đá tảng lẫn làm vật liệu xây dựng thông thường dư thừa trong quá trình thực hiện xây dựng Nhà máy chế biến dăm gỗ và sản xuất viên nén sinh học xuất khẩu tại xã Tam dân, huyện Phú Ninh, trong đó tổng dự toán cải tạo, phục hồi môi trường là 269.631.226 đồng.

Ngày 04/4/2022, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 899/QĐ-UBND phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đất san lấp xây dựng công trình và đá tảng lẫn làm vật liệu xây dựng thông thường. Trong đó: Tổng số tiền phải nộp tính theo giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm phê duyệt là 440.212.000 đồng. Phương thức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là 01 lần.

Ngày 25/4/2022, UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 1090/GP-UBND cho phép Công ty Vạn Tín Thành khai thác khoáng sản đất san lấp xây dựng công trình và đá tảng lẫn làm vật liệu xây dựng thông thường dư thừa trong quá trình thực hiện xây dựng Nhà máy chế biến dăm gỗ và sản xuất viên nén sinh học xuất khẩu tại xã Tam dân, huyện Phú Ninh. Trong đó: Tổng trữ lượng khoáng sản được khai thác 195.851,6 m³ (gồm: 191.755,8 m³ đất san lấp, xây dựng công trình và 4.095,8 m³ đá tảng lẫn); công suất khai thác 156.681 m³ nguyên khối/năm; thời hạn khai thác đến ngày 30/6/2023.

** Về thủ tục đất đai:*

Dự án khai thác khoáng sản đất san lấp xây dựng công trình và đá tảng lẫn làm vật liệu xây dựng thông thường dư thừa trong quá trình thực hiện xây dựng Nhà máy chế biến dăm gỗ và sản xuất viên nén sinh học xuất khẩu tại xã Tam dân, huyện Phú Ninh nằm trong phạm vi dự án Nhà máy 38.840 m², do đó việc ký hợp đồng thuê đất là thuộc về trách nhiệm của chủ đầu tư Dự án Nhà máy chế biến dăm gỗ và sản xuất viên nén sinh học xuất khẩu.

** Về lĩnh vực khai thác khoáng sản:*

Công ty Vạn Tín Thành có bổ nhiệm ông Phạm Đình Đề có bằng Trung cấp địa chất làm Giám đốc điều hành mỏ, theo Quyết định số 01/QĐ-VTT ngày 05/5/2022. Công ty đã thực hiện đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác cho cơ quan nhà nước tại Công văn số 04/TB-VTT ngày 19/5/2022. Công ty có lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt khai thác; có báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản theo quy định. Hiện nay, Mỏ đã dừng hoạt động từ tháng 06/2023.

Qua kiểm tra cho thấy: Công ty không lắp đặt trạm cân và camera vi phạm khoản 2, Điều 42 Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

** Về thực hiện nghĩa vụ với NSNN của Công ty Vạn Tín Thành:*

- Thuế TN và Phí BVMT:

+ Năm 2022, Công ty đã kê khai và nộp thuế, phí đối với 26.069,67 m³ đất san lấp số tiền 160.815.320 đồng (Thuế TN là 109.492.614 đồng và Phí BVMT là 43.014.956 đồng).

+ Năm 2023, Công ty đã kê khai nộp Phí BVMT đối với 5.035 m³ đất san lấp số tiền 8.307.750, số tiền thuế phí còn phải nộp đến tháng 6/2023 là 65.364.225 đồng.

Năm 2022-2023, Công ty Vạn Tín Thành không kê khai và không nộp thuế, phí đối với khối lượng đá học đã khai thác (tại thời điểm thanh tra do khối lượng đá đã khai thác nằm rải rác nên Đoàn thanh tra không xác định được).

- Công ty đã thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam và Thông báo số 2593/TB-CTQNA ngày 07/4/2022 của Cục Thuế tỉnh Quảng Nam số tiền 440.212.000 đồng.

- Công ty đã thực hiện nộp tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo Quyết định số 183/QĐ-STNMT ngày 25/3/2022 của Sở TN&MT số tiền 269.631.226 đồng.

3. Tại huyện Duy Xuyên

a) *Mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Phú Lạc, xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên do Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Tân Phước Yên (Công ty Tân Phước Yên) khai thác.*

** Về hồ sơ pháp lý:*

Ngày 14/5/2015, UBND tỉnh cấp Giấy phép số 1705/GP-UBND cho phép Công ty Tân Phước Yên được thăm dò cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Phú Lạc, xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên.

Ngày 13/6/2016, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Phú Lạc, xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên, trong đó: Diện tích khu vực khai thác 86.776 m², tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là 363.342.366 đồng.

Ngày 14/7/2016, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2506/QĐ-UBND phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó: Tổng số tiền phải nộp tính theo giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm phê duyệt là 532.737.000 đồng, nộp 01 lần.

Ngày 29/9/2016, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3419/QĐ-UBND cho phép Công ty Tân Phước Yên khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường và thu hồi đất, cho thuê đất tại thôn Phú Lạc, xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên, trong đó: Diện tích cho thuê là 86.776 m², trữ lượng khai thác 324.257 m³, công suất 43.000 m³/năm, thời gian cấp phép là 07 năm.

** Về thủ tục đất đai:*

Ngày 25/10/2015, Công ty Tân Phước Yên ký hợp đồng với Sở TN&MT thuê 650 m² đất tại thôn Quảng Huế, xã Đại An, huyện Đại Lộc để làm bãi tập kết cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường. Thời hạn thuê đất đến tháng 9/2020. Nộp tiền thuê đất hằng năm.

Ngày 26/6/2016, Công ty Tân Phước Yên ký hợp đồng với Sở TN&MT thuê 86.776 m² đất tại thôn Phú Lạc, xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên để khai thác khoáng sản theo Quyết định số 3419/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND tỉnh, thời hạn thuê đất từ 29/9/2016 đến 28/7/2024, nộp tiền thuê đất hằng năm.

Ngày 25/8/2020, Công ty Tân Phước Yên ký hợp đồng với Sở TN&MT thuê 1.536,8 m² đất tại thôn Quảng Huế, xã Đại An, huyện Đại Lộc để làm bãi tập kết cát, sỏi làm vật liệu thông thường (bao gồm 650 m² đã thuê năm 2015 và 886,8 m² vùng đất trước bến). Thời hạn thuê đất đến 28/3/2024. Nộp tiền thuê đất hằng năm.

** Về lĩnh vực khai thác khoáng sản:*

Công ty Tân Phước Yên có bổ nhiệm ông Nguyễn Đức Toàn có bằng Kỹ sư kỹ thuật mỏ làm Giám đốc điều hành mỏ, theo Quyết định số 11/QĐ-HT ngày 01/7/2021. Công ty có Bản đăng ký Khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản gửi cho cơ quan nhà nước theo Bản đăng ký số 17/BĐK-Cty ngày 07/10/2016. Công ty có lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt khai thác; có báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản theo quy định.

Công ty có lắp đặt 01 trạm cân 80 tấn nằm trên đoạn đường vận chuyển cát ra khỏi bãi tập kết; có lắp đặt 01 camera ở vị trí đối diện với trạm cân quan sát về phía trạm cân, camera và trạm cân hoạt động bình thường.

** Về thực hiện nghĩa vụ với NSNN của Công ty Tân Phước Yên:*

- Thuế TN và Phí BVMT: Từ tháng 12/2016 đến 12/2022 Công ty Tân Phước Yên đã kê khai sản lượng cát khai thác tại mỏ khối lượng 265.892,51 m³. Tổng số tiền Thuế TN, Phí BVMT đã thực hiện là 5.504.180.664 đồng (Thuế TN là 4.337.539.540 đồng và Phí BVMT là 1.166.641.124 đồng). Từ năm 2016 đến năm 2021 việc kê khai nộp Thuế TN và Phí BVMT đã được Cục Thuế tỉnh kiểm tra (Quyết định số 4525/QĐ-CT ngày 27/5/2019 và 4018/QĐ-CT ngày 16/5/2021 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Nam) do đó Thanh tra tỉnh không kiểm tra lại. Năm 2022, số liệu trạm cân Công ty đã cung cấp cho Công an tỉnh nên Thanh tra tỉnh không kiểm tra khối lượng cát qua trạm cân để tính thuế, phí; việc kê khai năm 2022 cơ bản đúng quy định pháp luật về Thuế TN và Phí BVMT.

- Công ty đã thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 2506/QĐ-UBND ngày 14/7/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam và Thông báo số 5407/TB-CT ngày 20/7/2016 của Cục Thuế tỉnh Quảng Nam số tiền 532.737.000 đồng.

- Công ty đã thực hiện nộp tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam số tiền 369.988.872 đồng.

- Công ty đã nộp tiền thuê đất từ năm 2016 đến 2022 tổng số tiền là 1.443.952.600 đồng.

- Công ty Tân Phước Yên đã nộp tiền Phí BVMT đối với nước thải công nghiệp từ năm 2016 đến 2022 tổng số tiền 12.500.000 đồng.

b) Mỏ đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực Nà Đặc, thôn Thạnh Xuyên, xã Duy Thu, huyện Duy Xuyên do Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Phan Ngọc Anh (Công ty Phan Ngọc Anh) khai thác.

** Về hồ sơ pháp lý:*

Ngày 25/4/2017, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1441/QĐ-UBND phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án khai thác khoáng sản đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực Nà Đặc, thôn Thạnh Xuyên, xã Duy Thu, trong đó: Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường là 405.014.318 đồng.

Ngày 31/5/2017, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1957/QĐ-UBND phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó: Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là 472.762.000 đồng, nộp tiền 01 lần.

Ngày 02/11/2017, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3900/QĐ-UBND cho phép Công ty Phan Ngọc Anh được khai thác khoáng sản đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại khu vực Nà Đặc, thôn Thạnh Xuyên, xã Duy Thu và thu hồi diện tích đất 60.286 m², loại đất nông nghiệp khác do xã Duy Thu quản lý cho Công ty Phan Ngọc Anh thuê sử dụng

vào mục đích khai thác khoáng sản đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó: Trữ lượng khai thác 226.284 m³, công suất khai thác 35.000 m³ nguyên khối/năm, thời hạn khai thác và thuê đất 06 năm 07 tháng.

** Về thủ tục đất đai:*

Ngày 31/5/2018, Công ty Phan Ngọc Anh ký hợp đồng với Sở TN&MT thuê 60.286 m² đất tại khu vực Nà Đạc, thôn Thanh Xuyên, xã Duy Thu, huyện Duy Xuyên để khai thác khoáng sản đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường theo Quyết định số 3900/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh, thời hạn thuê đất từ 02/11/2017 đến 01/6/2024, nộp tiền thuê đất hằng năm.

** Về lĩnh vực khai thác khoáng sản:*

Công ty Phan Ngọc Anh có bổ nhiệm ông Khiếu Ngọc Tản có bằng Kỹ sư mỏ làm Giám đốc điều hành mỏ, theo Quyết định không số ngày 01/12/2017. Công ty có đăng ký ngày bắt đầu khai thác khoáng sản gửi cho cơ quan nhà nước theo Thông báo số 05/CTY ngày 18/7/2019. Công ty có lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt khai thác; có báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản theo quy định.

Công ty không có lắp đặt trạm cân và camera nằm trên đoạn đường vận chuyển đất sét ra khỏi bãi tập kết vi phạm khoản 2, Điều 42 Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ. Tuy nhiên, Sở TN&MT đã kiểm tra và lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản (*Biên bản số 10/BB-VPHC ngày 18/6/2021*) và xử phạt 30.000.000 đồng đối với hành vi trên (*Quyết định số 12/QĐ-XPVPHC ngày 28/6/2021 của Thanh tra Sở TN&MT*).

** Về thực hiện nghĩa vụ với NSNN của Công ty Phan Ngọc Anh:*

- Thuế TN và Phí BVMT:

+ Từ năm 2019 đến 2021: Cục Thuế tỉnh đã kiểm tra thuế đối với Công ty Phan Ngọc Anh theo Quyết định số 8764/QĐ-CTQNA ngày 09/11/2022. Do đó Thanh tra tỉnh không tiến hành kiểm tra lại.

+ Năm 2018 và 2022: Công ty đã kê khai nộp Thuế TN và Phí BVMT liên quan đến đất sét khai thác số tiền 1.938.695.300 đồng (Thuế TN là 1.784.719.500 đồng và Phí BVMT là 153.975.800 đồng. Công ty đã kê khai và nộp Phí BVMT liên quan đến đất xúc đổ bãi thải 11.898 m³ với tổng số tiền 2.617.589 đồng. Qua kiểm tra cho thấy Công ty đã kê khai và nộp thuế, phí trong 02 năm đúng quy định.

- Công ty đã thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 1957/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam số tiền 532.737.000 đồng.

- Công ty đã thực hiện nộp tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam từ năm 2018 đến 2022 số tiền 318.873.215 đồng. Năm 2023, Công ty chưa thực hiện nộp.

- Công ty đã nộp tiền thuê đất từ năm 2019 đến 2022 tổng số tiền là 241.144.000 đồng.

- Công ty đã nộp tiền Phí BVMT đối với nước thải công nghiệp từ năm 2018 đến 2022 tổng số tiền 9.500.000 đồng.

c) *Mỏ đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực Đồng Xe, thôn Phú Đa 2, xã Duy Thu, huyện Duy Xuyên do Công ty TNHH Sản xuất dịch vụ và Thương mại Bàn Sơn (Công ty Bàn Sơn) khai thác.*

** Về hồ sơ pháp lý:*

Ngày 19/9/2016, UBND tỉnh cấp Giấy phép số 3300/GP-UBND cho phép Công ty Bàn Sơn thăm dò khoáng sản đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực Đồng Xe, thôn Phú Đa 2, xã Duy Thu, huyện Duy Xuyên.

Ngày 27/7/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2246/QĐ-UBND phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án khai thác đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường khu vực Đồng Xe, thôn Phú Đa 2, xã Duy Thu, huyện Duy Xuyên, trong đó: Tổng kinh phí ký quỹ phục hồi môi trường là 570.108.000 đồng.

Ngày 14/11/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3440/QĐ-UBND phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực Đồng Xe, thôn Phú Đa 2, xã Duy Thu, huyện Duy Xuyên, trong đó: Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là 501.287.000 đồng, nộp 01 lần.

Ngày 14/02/2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 426/QĐ-UBND cho phép Công ty Bàn Sơn được khai thác khoáng sản đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại khu vực Đồng Xe, thôn Phú Đa 2, xã Duy Thu, huyện Duy Xuyên và thu hồi diện tích 2,7676 ha đất rừng sản xuất do xã Duy Thu quản lý cho Công ty Bàn Sơn thuê sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó: Trữ lượng khoáng sản khai thác là 74.195 m³, công suất khai thác là 12.403 m³ đất sét thành phẩm/năm, thời hạn khai thác là 06 năm.

** Về thủ tục đất đai:*

Ngày 22/3/2019, Công ty Bàn Sơn ký hợp đồng với Sở TN&MT thuê 27.676 m² đất tại khu vực Đồng Xe, thôn Phú Đa 2, xã Duy Thu, huyện Duy Xuyên để khai thác khoáng sản đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường theo Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh, thời hạn thuê đất 06 năm (từ 14/02/2019 đến 13/02/2025), nộp tiền thuê đất hằng năm.

Qua kiểm tra hiện trạng sử dụng đất cho thấy: Một số cọc mốc các điểm góc của mỏ đã không còn tại vị trí cắm mốc ban đầu, bị di dời và cắm lại.

** Về lĩnh vực khai thác khoáng sản:*

Công ty Bàn Sơn có bổ nhiệm ông Huỳnh Ngọc Phụ có bằng Cử nhân Mỏ địa chất làm Giám đốc điều hành mỏ, theo Quyết định số 08/QĐ-BS ngày 01/01/2022. Công ty có lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt khai thác, có báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản theo quy định.

Qua kiểm tra cho thấy:

- Công ty không thông báo bằng văn bản về trình độ chuyên môn, năng lực của Giám đốc mỏ và đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác khoáng sản gửi cho cơ quan nhà nước;.

- Công ty không có lắp đặt trạm cân và camera nằm trên đoạn đường vận chuyển đất sét ra khỏi bãi tập kết vi phạm khoản 2, Điều 42 Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ. Tuy nhiên, Sở TN&MT đã kiểm tra và lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản (*Biên bản số 06/BB-VPHC ngày 06/10/2021*) và xử phạt 30.000.000 đồng đối với hành vi trên (*Quyết định số 18/QĐ-XPVPHC ngày 25/10/2021 của Thanh tra Sở TN&MT*).

* Về thực hiện nghĩa vụ với NSNN:

- Thuế TN và Phí BVMT:

+ Từ năm 2016 đến 2020: Cục Thuế tỉnh đã kiểm tra thuế theo Quyết định số 2334/QĐ-CT ngày 23/3/2020 và năm 2019, 2020 Đoàn kiểm tra liên ngành theo Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động khai thác khoáng sản của Công ty Bàn Sơn, theo đó đã xác định sản lượng đất khai thác, kê khai nộp thuế, phí và tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính liên quan đến khai thác đất sét tại mỏ. Do đó, Thanh tra tỉnh không tiến hành kiểm tra lại.

+ Năm 2021 và 2022: Công ty Bàn Sơn đã kê khai nộp Thuế TN và Phí BVMT số tiền 693.358.700 đồng (Thuế TN là 638.290.500 đồng và Phí BVMT là 55.068.200 đồng). Qua kiểm tra cho thấy Công ty đã kê khai và nộp thuế, phí trong 02 năm đúng quy định.

+ Đối với đất bóc tầng phủ xúc đồ bãi thải từ năm 2019 đến năm 2022 theo Báo cáo kinh tế kỹ thuật và thiết kế mỏ, khối lượng bóc đất tầng phủ là 10.428 m³. Qua kết quả kiểm tra hiện trường, kết quả làm việc và Công văn giải trình số 01/CVGBS-2024 ngày 15/01/2024 của Công ty Bàn Sơn cho thấy: Qua thực tế khai thác khối lượng bóc tầng phủ bằng khoảng 50% (chiều sâu bóc tầng phủ dày 0,2m) so với khối lượng được lập tại Báo cáo kinh tế kỹ thuật và thiết kế mỏ, khối lượng bóc tầng phủ từ năm 2019 đến 2022 thực tế là $0,2\text{m} \times 27.676\text{ m}^2 = 5.535,2\text{ m}^3$. Như vậy, khối lượng đất sét tận thu trong việc bóc tầng phủ chưa nộp Thuế TN và Phí BVMT là: $10.428,8\text{ m}^3 - 5.535,2\text{ m}^3 = 4.892,8\text{ m}^3$. Tổng giá trị Thuế TN và Phí BVMT phải nộp là 135.530.560 đồng, trong đó: Thuế TN là 124.766.400 đồng ($4.892,8\text{ m}^3 \times 170.000\text{ đồng/m}^3 \times 15\%$) và Phí BVMT là 10.764.160 đồng ($4.892,8\text{ m}^3 \times 2.200\text{ đồng/m}^3$).

- Công ty đã thực hiện nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 3440/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam số tiền 501.287.000 đồng.

- Công ty đã thực hiện nộp tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam từ năm 2019 đến 2021 số tiền 313.559.400 đồng. Năm 2022 và 2023 Công ty chưa thực hiện nộp.

- Công ty đã nộp tiền thuê đất từ năm 2019 đến 2022 tổng số tiền là 318.953.636 đồng.

- Công ty đã nộp tiền Phí BVMT đối với nước thải công nghiệp năm 2021 tổng số tiền 4.000.000 đồng.

- Công ty đã đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng cho xã Duy Thu trong 02 năm (2021 và 2022) tổng số tiền 124.030.000 đồng.

e) 02 Mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn An Trung, xã Duy Trung huyện Duy Xuyên do Công ty Cổ phần Công trình Giao thông vận tải Quảng Nam (Công ty CP CTGTVT Quảng Nam) khai thác.

** Về hồ sơ pháp lý:*

- **Mỏ số 01:** Diện tích 2,8671 ha

Ngày 17/4/2014, UBND tỉnh cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số 1206/GP-UBND cho phép Công ty CP CTGTVT Quảng Nam được thăm dò đá làm vật liệu xây dựng thông thường, diện tích thăm dò 2,8671 ha.

Ngày 08/5/2015, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1626/QĐ-UBND phê duyệt nội dung đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án xây dựng công trình khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó: Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là 1.373.641.000 đồng.

Ngày 14/7/2015, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1418/QĐ-UBND phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó: Tổng số tiền phải nộp tính theo giá cấp quyền khai thác khoáng sản là 6.360.893.000 đồng, nộp 05 lần.

Ngày 28/8/2015, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3093/QĐ-UBND cho phép Công ty CP CTGTVT Quảng Nam khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường và thu hồi diện tích đất 2,867 ha loại đất rừng sản xuất do UBND xã Duy Trung quản lý, cho C.ty C.trình G.thông thuê sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó: Trữ lượng khoáng sản khai thác là 927.657 m³, công suất khai thác là 110.000 m³/năm, thời gian khai thác và thuê đất là 10 năm.

- **Mỏ số 02:** Diện tích 3,1016 ha

Ngày 22/10/2015, UBND tỉnh cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số 3950/GP-UBND cho phép Công ty CP CTGTVT Quảng Nam được thăm dò đá làm vật liệu xây dựng thông thường, diện tích thăm dò 31.016 m².

Ngày 17/8/2016, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2942/QĐ-UBND phê duyệt nội dung đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, trong đó: Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là 1.125.541.313 đồng.

Ngày 26/9/2016, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3386/QĐ-UBND phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó: Tổng số tiền phải nộp tính theo giá cấp quyền khai thác khoáng sản là 11.381.799.000 đồng, nộp 03 lần.

Ngày 03/10/2016, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3453/QĐ-UBND cho phép Công ty CP CTGTVT Quảng Nam khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường và thu hồi diện tích đất 3,1016 ha, gồm: 2,01379 ha loại đất rừng sản xuất và 1,087881 ha đất đồi chưa sử dụng do UBND xã Duy Trung quản lý, cho Công ty CP CTGTVT Quảng Nam thuê sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó: Trữ lượng khoáng sản khai thác là 1.304.277 m³, công suất khai thác là 250.000 m³/năm, thời gian khai thác và thuê đất là 06 năm.

Ngày 17/9/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2798/QĐ-UBND điều chỉnh một số nội dung của Quyết định số 3453/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 của UBND tỉnh, trong đó: Trữ lượng khai thác là 1.190.805 m³, công suất khai thác là 150.000 m³/năm, thời gian khai thác là 7 năm 11 tháng 06 ngày kể từ ngày 01/01/2018.

** Về thủ tục đất đai:*

- **Mỏ số 01:** Diện tích 2,8671 ha

Ngày 17/9/2015, Công ty CP CTGTVT Quảng Nam ký hợp đồng với Sở TN&MT thuê 28.671 m² đất tại thôn An Trung, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên để khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường theo Quyết định số 3039/QĐ-UBND ngày 28/8/2015 của UBND tỉnh, thời hạn thuê đất 10 năm (từ 28/8/2015 đến 27/8/2025), nộp tiền thuê đất hằng năm.

- **Mỏ số 02:** Diện tích 3,1016 ha

Ngày 22/4/2008, Công ty CP CTGTVT Quảng Nam ký hợp đồng với Sở TN&MT thuê 2.138 m² đất tại thôn An Trung, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên để xây dựng đường dây trung áp và trạm trộn bê tông nhựa, thời hạn thuê đất 10 năm kể từ ngày 29/2/2008, nộp tiền thuê đất hằng năm.

Ngày 26/11/2015, Công ty CP CTGTVT Quảng Nam ký hợp đồng với Sở TN&MT thuê 23.201,2 m² đất tại thôn An Trung, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên để xây dựng cơ sở sản xuất chế biến đá xây dựng 15.547,2 m² và xây dựng kho vật liệu nổ công nghiệp 7.654 m², thời hạn thuê đất 50 năm kể từ ngày 19/10/2015 đến ngày 19/10/2065, nộp tiền thuê đất hằng năm.

Ngày 17/10/2016, Công ty CP CTGTVT Quảng Nam ký hợp đồng với Sở TN&MT thuê 31.016 m² đất tại thôn An Trung, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên để khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường theo Quyết định số 3453/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 của UBND tỉnh, thời hạn thuê đất 06 năm (từ 03/10/2016 đến 02/10/2022), nộp tiền thuê đất hằng năm.

Ngày 18/9/2017, Công ty CP CTGTVT Quảng Nam ký hợp đồng với Sở TN&MT thuê 19.299 m² đất tại thôn An Trung, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên để làm bãi thải, thời hạn thuê đất đến ngày 28/8/2025, nộp tiền thuê đất hằng năm.

Ngày 19/4/2018, Công ty CP CTGTVT Quảng Nam ký hợp đồng với Sở TN&MT thuê 20 m² đất tại thôn An Trung, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên để xây dựng đường điện 22KV, thời hạn thuê đất đến ngày 28/8/2025, nộp tiền thuê đất hằng năm.

Ngày 15/7/2022, Công ty CP CTGTVT Quảng Nam ký hợp đồng với Sở TN&MT thuê 9.600 m² đất tại thôn An Trung, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên để mở rộng khu chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường, thời hạn thuê đất đến ngày 07/12/2025, nộp tiền thuê đất hằng năm.

** Về lĩnh vực khai thác khoáng sản:*

- **Mỏ số 01:** Diện tích 2,8671 ha

Công ty CP CTGTVT Quảng Nam có bổ nhiệm ông Nguyễn Tiến Đức có bằng Cử nhân địa chất làm Giám đốc điều hành mỏ, theo Quyết định số 86/QĐ-TDLD ngày 20/4/2022; đã thông báo bằng văn bản về trình độ chuyên môn, năng lực của Giám đốc điều hành mỏ về cơ quan quản lý nhà nước tại Báo cáo số 90/BC-TĐNS ngày 26/4/2022. Công ty có thực hiện đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác cho cơ quan nhà nước tại Công văn số 401/CV-BTGD ngày 17/9/2015. Công ty có lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt khai thác; có báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản theo quy định.

- **Mỏ số 02:** Diện tích 3,1016 ha

Công ty CP CTGTVT Quảng Nam có bổ nhiệm ông Đoàn Văn Hùng có bằng Cử nhân địa chất làm Giám đốc điều hành mỏ, theo Quyết định số 160/QĐ-BTGD ngày 01/6/2023; đã thông báo bằng văn bản về trình độ chuyên môn, năng lực của Giám đốc điều hành mỏ về cơ quan quản lý nhà nước tại Thông báo số 161/BC-KHKT ngày 01/6/2023. Công ty có thực hiện đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác cho cơ quan nhà nước tại Công văn số 630/CV-BTGD ngày 15/10/2016. Công ty có lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt khai thác; có báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản theo quy định.

Công ty có lắp đặt 02 trạm cân 60 tấn, 01 trạm nằm trên đoạn đường vận chuyển khoáng sản ra khỏi 02 mỏ đá và 01 trạm đặt trên đường vận chuyển đá thành phẩm xuất bán; có lắp đặt camera ở vị trí đối diện với mỗi trạm cân quan sát về phía trạm cân; camera và trạm cân hoạt động bình thường.

** Về thực hiện nghĩa vụ với NSNN:*

- Thuế TN và Phí BVMT:

+ Cục Thuế tỉnh Quảng Nam đã thanh tra thuế tại Công ty CP CTGTVT Quảng Nam từ năm 2015 đến 2019 theo Quyết định số 8939/QĐ-CTQNA ngày 19/11/2020 và từ năm 2020 đến 2022 theo Quyết định số 4284/QĐ-CTQNA ngày 06/6/2023 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Nam (nội dung thanh tra: Thuế GTGT, Thuế TNDN, Thuế TN, Phí BVMT). Do đó Thanh tra tỉnh không tiến hành kiểm tra lại.

+ Năm 2023: Công ty đã kê khai nộp Thuế TN và Phí BVMT 08 tháng đầu năm. Tuy nhiên qua kiểm tra cho thấy, Công ty chưa kê khai sản lượng đá học tồn kho 977 m³, dẫn đến số Thuế TN, Phí BVMT chưa nộp là 17.900.726 đồng (Thuế TN là 14.655.000 đồng và Phí BVMT là 3.245.726 đồng).

- Công ty đã thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tổng số tiền 17.742.692.000 đồng, trong đó:

+ Theo Quyết định số 1418/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 của UBND tỉnh Quảng Nam số tiền 6.360.893.000 đồng.

+ Theo Quyết định số 3386/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam số tiền 11.381.799.000 đồng.

- Công ty đã thực hiện nộp tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường tổng số tiền 2.422.187.919 đồng, trong đó:

+ Theo Quyết định số 1626/QĐ-UBND ngày 08/5/2015 của UBND tỉnh Quảng Nam số tiền 1.158.059.374 đồng.

+ Theo Quyết định số 2942/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam số tiền 1.264.128.545 đồng.

- Công ty đã nộp tiền thuê đất của 02 mỏ từ năm 2015 đến 2022 tổng số tiền là 833.844.649 đồng.

- Công ty đã đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng cho địa phương từ năm 2015 đến 2022 (thực hiện chung cho 02 mỏ) số tiền 2.030.000.000 đồng.

4. Tại huyện Đông Giang

a) Mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Ba Liêng, xã A Ting do Doanh nghiệp Tư nhân Tiến Thịnh khai thác

** Về hồ sơ pháp lý:*

Ngày 20/12/2012, UBND tỉnh có Công văn số 4894/UBND-KTN cho phép Doanh nghiệp Tư nhân Tiến Thịnh lập thủ tục xin cấp giấy phép thăm dò đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Ba Liêng, xã A Ting, huyện Đông Giang.

Ngày 15/01/2016, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 175/QĐ-UBND phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án xây dựng công trình khai thác mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Ba Liêng, xã A Ting, huyện Đông Giang, trong đó: Tổng kinh phí ký quỹ phục hồi môi trường là 220.214.304 đồng.

Ngày 28/8/2017, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3112/QĐ-UBND phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Ba Liêng, xã A Ting, huyện Đông Giang, trong đó: Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là 1.644.267.500 đồng, nộp 01 lần.

Ngày 13/02/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 702/QĐ-UBND cho phép Doanh nghiệp Tư nhân Tiến Thịnh được khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường và thuê đất tại mỏ đá thôn Ba Liêng, xã A Ting, huyện Đông Giang, trong đó: Trữ lượng khoáng sản khai thác là 145.589,4 m³, công suất khai thác là 42.000 m³/năm (nguyên khối), thời hạn khai thác là 04 năm 03 tháng.

** Về thủ tục đất đai:*

Ngày 02/01/2019, Doanh nghiệp Tư Nhân Tiến Thịnh ký hợp đồng với Sở TN&MT thuê 14.500 m² đất tại thôn Ba Liêng, xã A Ting, huyện Đông Giang để khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường theo Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của UBND tỉnh, thời hạn thuê đất từ 13/02/2018 đến 12/5/2022, nộp tiền thuê đất hằng năm.

Ngày 16/6/2021, Doanh nghiệp Tư Nhân Tiến Thịnh ký hợp đồng với Sở TN&MT thuê 7.390 m² đất tại thôn Ba Liêng, xã A Ting, huyện Đông Giang để

xây dựng Khu chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường theo Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 của UBND tỉnh, thời hạn thuê đất đến 13/5/2022, nộp tiền thuê đất hằng năm.

Qua kiểm tra hiện trạng sử dụng đất cho thấy: Hiện nay đơn vị chưa thực hiện thuê đất đối với diện tích 2.924,1 m² (6.622,3+3.691,8-7.390) (kết quả đo đạc thực tế: Diện tích khu vực sản xuất + Bãi thải: 6.622,3 m²; diện tích khu vực chứa đá sau nổ mìn: 3.691,8 m²; diện tích đã ký hợp đồng thuê đất 7.390 m²).

** Về lĩnh vực khai thác khoáng sản:*

Doanh nghiệp Tư nhân Tiến Thịnh có bổ nhiệm ông Lê Văn Thắng có bằng Kỹ sư khai thác mỏ làm Giám đốc điều hành mỏ, theo Quyết định số 05/QĐ-TT ngày 05/12/2018.

Doanh nghiệp Tư nhân Tiến Thịnh đã thực hiện đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác cho cơ quan nhà nước tại Thông báo số 07/TB-TT ngày 24/3/2020. Công ty có lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt khai thác, có báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản theo quy định.

Doanh nghiệp Tư nhân Tiến Thịnh có lắp đặt 01 trạm cân 60 tấn nằm trên đường vận chuyển khoáng sản ra cửa mỏ và lắp đặt 01 camera ở vị trí đối diện với trạm cân quan sát về phía trạm cân, camera và trạm cân hoạt động bình thường.

Qua kiểm tra cho thấy: Tại thời điểm kiểm tra mỏ đã hết thời hạn khai thác theo giấy phép nên đã dừng hoạt động.

Hiện nay, Doanh nghiệp tư nhân Tiến Thịnh đang lập các thủ tục trình cấp có thẩm quyền để được tiếp tục khai thác tại mỏ đá này.

** Về thực hiện nghĩa vụ với NSNN:*

- Thuế TN và Phí BVMT:

+ Từ năm 2019 đến 2021: Chi cục Thuế huyện Đại Lộc đã kiểm tra thuế theo Quyết định số 388/QĐ-CCT ngày 16/6/2022 đối với Doanh nghiệp Tư nhân Tiến Thịnh, trong đó có Thuế TN và Phí BVMT liên quan đến Mỏ đá tại thôn Ba Liêng, xã A Ting. Do đó Thanh tra tỉnh không tiến hành kiểm tra lại.

+ Năm 2022: Doanh nghiệp Tư nhân Tiến Thịnh đã kê khai nộp Thuế TN và Phí BVMT số tiền 264.090.489 đồng (Thuế TN là 231.725.277 đồng và Phí BVMT là 32.365.212 đồng).

Qua kiểm tra cho thấy: Doanh nghiệp Tư nhân Tiến Thịnh chưa kê khai khối lượng đá đã khai thác (đá sau nổ mìn) là 1.617,25 m³. Tổng số tiền Thuế TN và Phí BVMT phải nộp là 21.510.000 đồng, trong đó: Thuế TN số tiền 16.173.000 đồng (1.617,25 m³ * 100.000 đồng/m³ * 10%)(²) và Phí BVMT số tiền 5.337.000 đồng (1.617,25 m³ * 3.300 đồng/m³); đã thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 3112/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam số tiền 1.644.267.500 đồng; đã nộp tiền ký quỹ cải tạo

(²) Đơn giá tính thuế 100.000 đồng/m³ theo Quyết định số 17/2020/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam về ban hành bảng tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; thuế suất 10%

phục hồi môi trường theo Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam số tiền 220.214.304 đồng.

- Doanh nghiệp Tư nhân Tiên Thịnh đã nộp tiền thuê đất từ năm 2019 đến 2022 tổng số tiền là 73.930.000 đồng. Sử dụng diện tích đất thực tế cao hơn so với Hợp đồng thuê đất số 50/HĐTĐ ngày 16/6/2021 trong thời gian khai thác là 2.924,1 m² nhưng không lập hồ sơ xin thuê đất.

b) *Mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn 5, xã Ba, huyện Đông Giang do Công ty TNHH Xây dựng – Dịch vụ Vận tải và Thương Mại Chiến Khánh (Công ty Chiến Khánh) khai thác*

** Về hồ sơ pháp lý:*

Ngày 17/3/2017, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 851/QĐ-UBND công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn 5, xã Ba cho Công ty Chiến Khánh.

Ngày 14/8/2017, UBND tỉnh cấp Giấy phép số 2909/GP-UBND cho phép Công ty Chiến Khánh được thăm dò khoáng sản cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn 5, xã Ba.

Ngày 27/7/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2249/QĐ-UBND phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án khai thác mỏ cát, sỏi, cuội làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn 5, xã Ba, huyện Đông Giang, trong đó: Tổng kinh phí ký quỹ phục hồi môi trường là 310.650.000 đồng.

Ngày 28/3/2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 973/QĐ-UBND phê duyệt tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại thôn 5, xã Ba, huyện Đông Giang, trong đó: Tổng số tiền trúng đấu giá là 829.733.600 đồng.

Ngày 07/5/2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1307/QĐ-UBND cho phép Công ty Chiến Khánh khai thác khoáng sản cát, sỏi, cuội làm vật liệu xây dựng thông thường và thu hồi đất, cho thuê đất tại thôn 5, xã Ba, huyện Đông Giang, trong đó: Diện tích thu hồi và cho thuê là 3,5238 ha; Trữ lượng khoáng sản khai thác là 98.370 m³ (trong đó: Cát là 63.813 m³, sỏi là 33.653 m³, cuội là 904 m³), công suất khai thác là 25.000 m³ nguyên khối/năm, thời hạn khai thác khoáng sản và thuê đất là 03 năm 11 tháng.

** Về thủ tục đất đai:*

Ngày 11/7/2019, Công ty Chiến Khánh ký hợp đồng với Sở TN&MT thuê 35.238 m² đất tại thôn 5, xã Ba, huyện Đông Giang để khai thác khoáng sản theo Quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của UBND tỉnh, thời hạn thuê đất từ 07/5/2019 đến 06/4/2023, nộp tiền thuê đất hằng năm.

** Về lĩnh vực khai thác khoáng sản:*

Công ty Chiến Khánh có bổ nhiệm ông Lê Trung Thương có bằng Kỹ sư địa chất làm Giám đốc điều hành mỏ, theo Quyết định số 20/Cty ngày 12/02/2022. Tuy nhiên, Công ty không có thông báo bằng văn bản về trình độ chuyên môn, năng lực của Giám đốc điều hành mỏ về cơ quan quản lý nhà nước.

Công ty Chiến Khánh đã thực hiện đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác cho cơ quan nhà nước tại Công văn số 02/2019 ngày

10/5/2019. Công ty có lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt khai thác, có báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản theo quy định.

Công ty Chiến Khánh không có lắp đặt trạm cân và camera nằm trên đoạn đường vận chuyển khoáng sản ra khỏi bãi tập kết vi phạm khoản 2, Điều 42 Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

Qua kiểm tra cho thấy:

- Tại thời điểm kiểm tra mỏ đã hết thời hạn khai thác theo giấy phép nên đã dừng hoạt động.

- Kiểm tra thực tế và đối chiếu theo hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật mỏ cho thấy: Công ty Chiến Khánh đã thực hiện mở moong khai thác khoáng sản không đúng theo hồ sơ thiết kế được duyệt. Theo báo cáo kinh tế kỹ thuật, sau khi đã mở được diện tích khai thác đầu tiên, từ đây tiến hành khai thác theo hình thức chia khoảnh từ Đông sang Tây, khai thác theo tuyến từ Nam lên Bắc dọc theo chiều rộng biên mới mở. Tuy nhiên, Công ty đã tổ chức khai thác không theo trình tự nêu trên, mở moong khai thác theo chiều ngược lại và không theo bất cứ quy trình khai thác mỏ nào.

* Về thực hiện nghĩa vụ với NSNN:

- Thuế TN và Phí BVMT:

+ Từ năm 2018 đến 2022: Chi cục Thuế huyện Đông Giang – Tây Giang đã kiểm tra thuế theo Quyết định số 905/QĐ-CCTKV ngày 30/9/2020 và Quyết định số 1176/QĐ-CCTKV ngày 12/10/2022 đối với Công ty Chiến Khánh, trong đó có Thuế TN và Phí BVMT liên quan đến Mỏ cát tại thôn 5, xã Ba, huyện Đông Giang. Do đó Thanh tra tỉnh không tiến hành kiểm tra lại khối lượng đã kê khai nộp thuế. Riêng việc áp dụng mức phí BVMT 3.300 đồng/m³ trong kê khai và nộp phí BVMT là chưa đúng quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 19/4/2017 của HĐND tỉnh Quảng Nam dẫn đến phí BVMT thiếu tổng số tiền 49.706.930 đồng (theo quy định phí BVMT đối với cát vàng là 4.400 đồng).

+ Liên quan đến khối lượng sỏi đã khai thác theo Quyết định cấp phép khai thác từ năm 2019 đến tháng 4/2023: Qua xác định tỷ lệ sỏi thực tế tại hiện trường, tổng khối lượng sỏi thực tế đã khai thác là 4.272,44 m³. Công ty đã kê khai nộp thuế, phí là 2.150 m³, khối lượng còn lại chưa kê khai nộp thuế, phí là 2.122,44 m³. Tổng số tiền thuế, phí phải nộp đối với khối lượng sỏi 2.122,44 m³ khai thác chưa kê khai là 66.278.000 đồng (trong đó: Thuế TN là 54.605.000 đồng và Phí BVMT là 11.673.000 đồng).

- Công ty đã thực hiện nộp số tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam số tiền 829.733.600 đồng.

- Công ty đã thực hiện nộp tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam số tiền 336.220.965 đồng.

- Công ty đã nộp tiền thuê đất từ năm 2019 đến 2022 tổng số tiền là 305.365.460 đồng.

III. NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN

1. Kết quả đạt được

Công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn các huyện Nam Trà My, Phú Ninh, Duy Xuyên, Đông Giang nói riêng và trên địa bàn tỉnh nói chung trong thời gian qua cơ bản được quan tâm chỉ đạo sâu sát đã mang lại hiệu quả tích cực, công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện nghĩa vụ thuế được các cơ quan chức năng thực hiện thường xuyên. Các đơn vị khai thác khoáng sản cơ bản chấp hành tốt các quy định về hồ sơ pháp lý, trình tự khai thác như: Giấy phép khai thác, lập và phê duyệt thiết kế cơ sở khai thác, các thủ tục thuê đất, đánh giá tác động môi trường, bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ đảm bảo điều kiện tiêu chuẩn theo quy định...chấp hành tốt việc kê khai nộp thuế, phí và các nghĩa vụ khác có liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

2. Tồn tại, hạn chế

** Đối với Công ty Bình An Phú khai thác Mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn 1, xã Trà Don, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam.*

Tổng số thuế, phí Công ty chưa nộp, kê khai thiếu, chưa kê khai là 182.433.000 đồng. Trong đó:

- Năm 2023 (tính đến tháng 9/2023): Công ty đã kê khai, nhưng chưa nộp Thuế TN, Phí BVMT đối với đá khai thác số tiền 149.012.000 đồng (Thuế TN 113.699.449 đồng và Phí BVMT 35.312.560 đồng).

- Năm 2021 và năm 2022: Kê khai thiếu Phí BVMT số tiền 3.274.000 đồng.

- Chưa kê khai và nộp Phí BVMT liên quan đến đất bóc tầng phủ xúc đổ bãi thải từ năm 2021 đến năm 2023, tổng số tiền 11.238.000 đồng.

- Chưa kê khai và nộp Phí BVMT đối với nước thải công nghiệp năm 2022 và 2023 số tiền 5.000.000 đồng theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định Phí BVMT đối với nước thải là 2.500.000 đồng/năm.

- Chưa kê khai Thuế TNDN đối với 170 m³ đá 1x2 xuất sử dụng cho công trình của Công ty với số tiền 13.909.000 đồng.

** Đối với Công ty KONGO khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường và khai thác đất san lấp, xây dựng công trình (khoáng sản đi kèm) tại đồi Cù Lao, thôn Ngọc Giáp, xã Tam Dân, huyện Phú Ninh.*

- Hợp đồng thuê đất 19.341 m² đất để xây dựng Khu chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đã hết thời hạn thuê đất từ năm 2016 nhưng Công ty KONGO chưa lập thủ tục gia hạn thời gian thuê đất theo quy định.

- Công ty có lắp đặt 01 trạm cân 80 tấn và 01 camera ở vị trí đối diện với trạm cân nhưng không sử dụng. Công ty KONGO ký hợp đồng cho Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Chí Thiện Phú thuê nhằm thực hiện cân bán đá thành phẩm sau chế biến là vi phạm Khoản 2, Điều 42 Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

** Đối với Công ty Vạn Tín Thành khai thác đất san lấp xây dựng công trình và đá tảng lẫn làm vật liệu xây dựng thông thường dư thừa trong quá trình thực hiện xây dựng Nhà máy chế biến dăm gỗ và sản xuất viên nén sinh học xuất khẩu tại xã Tam Dân, huyện Phú Ninh.*

Công ty không lắp đặt trạm cân và camera vi phạm Khoản 2, Điều 42 Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ. Công ty không chấp hành việc kê khai nộp thuế Thuế TN, Phí BVMT đối với khối lượng đá chẻ đã khai thác.

** Tại Mỏ đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực Nà Đạc, thôn Thanh Xuyên, xã Duy Thu, huyện Duy Xuyên do Công ty Phan Ngọc Anh khai thác*

Công ty không lắp đặt trạm cân và camera nằm trên đoạn đường vận chuyển đất sét ra khỏi bãi tập kết vi phạm Khoản 2, Điều 42 Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ. Tuy nhiên, Sở TN&MT đã kiểm tra, lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản và xử phạt 30.000.000 đồng đối với hành vi trên.

** Đối với Công ty Bàn Sơn khai thác đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực Đông Xe, thôn Phú Đa 2, xã Duy Thu, huyện Duy Xuyên.*

- Công ty không thông báo bằng văn bản về trình độ chuyên môn, năng lực của Giám đốc mỏ và đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác khoáng sản gửi cho cơ quan nhà nước.

- Công ty không có lắp đặt trạm cân và camera nằm trên đoạn đường vận chuyển đất sét ra khỏi bãi tập kết vi phạm khoản 2, Điều 42 Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ. Tuy nhiên, Sở TN&MT đã kiểm tra, lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản và xử phạt 30.000.000 đồng đối với hành vi trên.

- Qua kiểm tra thực tế tại mỏ, kết quả làm việc và kết quả xem xét giải trình của Công ty cho thấy: Khối lượng đất sét tận thu từ việc bóc tầng phủ chưa nộp Thuế TN và Phí BVMT là 4.892,8 m³. Tổng giá trị Thuế TN và Phí BVMT phải nộp là 135.530.560 đồng, trong đó: Thuế TN là 124.766.400 đồng (4.892,8 m³ * 170.000 đồng/m³ * 15%) và Phí BVMT là 10.764.160 đồng (4.892,8 m³ * 2.200 đồng/m³).

** Tại 02 Mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn An Trung, xã Duy Trung huyện Duy Xuyên do Công ty CP CTGTVT Quảng Nam khai thác.*

Công ty chưa kê khai sản lượng đá học tồn kho 977 m³ năm 2023, dẫn đến số Thuế TN, Phí BVMT chưa nộp là 17.900.726 đồng (Thuế TN là 14.655.000 đồng và Phí BVMT là 3.245.726 đồng).

** Tại Mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Ba Liêng, xã A Ting do Doanh nghiệp Tư nhân Tiến Thịnh khai thác*

Doanh nghiệp Tư nhân Tiến Thịnh còn những tồn tại, sai phạm sau:

- Chưa kê khai khối lượng đá đã khai thác (đá sau nổ mìn) là 1.617,25 m³. Tổng số tiền Thuế TN và Phí BVMT phải nộp là 21.510.000 đồng (trong đó: Thuế TN số tiền 16.173.000 đồng và Phí BVMT số tiền 5.337.000 đồng).

- Sử dụng diện tích đất thực tế cao hơn so với Hợp đồng thuê đất số 50/HĐTD ngày 16/6/2021 là 2.924,1 m² (5.622,3+3.691,8-7.390), nhưng không lập hồ sơ xin thuê đất.

**Tại Mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn 5, xã Ba, huyện Đông Giang do Công ty Chiến Khánh khai thác*

Công ty Chiến Khánh còn những tồn tại, sai phạm sau:

- Không thông báo bằng văn bản về trình độ chuyên môn, năng lực của Giám đốc điều hành mỏ về cơ quan quản lý nhà nước.

- Không có lắp đặt trạm cân và camera nằm trên đoạn đường vận chuyển khoáng sản ra khỏi bãi tập kết vi phạm khoản 2, Điều 42 Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

- Công ty thực hiện mở moong khai thác khoáng sản không đúng theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

- Kê khai và nộp phí BVMT thiếu số tiền 49.706.930 đồng do áp dụng đơn giá phí BVMT sai so với quy định.

- Tổng số tiền thuế, phí phải nộp đối với khối lượng sỏi 2.122,44 m³ khai thác chưa kê khai là 66.278.000 đồng (trong đó: Thuế TN là 54.605.000 đồng và Phí BVMT là 11.673.000 đồng).

Trách nhiệm các sai phạm nêu trên thuộc về các đơn vị khai thác khoáng sản: Công ty Bình An Phú; Công ty KONGO; Công ty Vạn Tín Thành; Công ty Phan Ngọc Anh; Công ty Bàn Sơn; Công ty CTGTVT Quảng Nam; Doanh nghiệp Tư nhân Tiến Thịnh; Công ty Chiến Khánh.

IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Xử lý về hành chính, chấn chỉnh tăng cường công tác quản lý

a) Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh:

- Giao Sở TN&MT, UBND các huyện có mỏ khai thác khoáng sản và các doanh nghiệp khai thác khoáng sản thực hiện nghiêm các nội dung kết luận thanh tra đã nêu.

- Giao Sở TN&MT kiểm tra cụ thể đối với Công ty Vạn Tín Thành để xử phạt vi phạm hành chính đối với việc vi phạm các quy định về khai thác khoáng sản, truy thu Thuế TN và Phí BVMT và xử phạt theo đúng quy định đối với khối lượng đá chẻ (đá hộc) đã khai thác nhưng chưa kê khai nộp thuế.

b) Đối với Sở TN&MT

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có vi phạm các quy định của pháp luật về khai thác khoáng sản, về môi trường, đất đai, vật liệu nổ công nghiệp, nghĩa vụ tài chính, lắp đặt trạm cân và camera, báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản, đóng cửa mỏ sau khai thác,...

- Kiểm tra, rà soát để chỉnh lý, lập các thủ tục hợp đồng cho thuê đất đối với Công ty Cổ phần Đầu tư KONGO, Doanh nghiệp Tư nhân Tiến Thịnh; xem

xét, xử lý vi phạm hành chính đối với các doanh nghiệp có sai phạm như kết quả thanh tra đã nêu theo đúng quy định pháp luật.

c) Đối với UBND các huyện: Nam Trà My, Phú Ninh, Duy Xuyên, Đông Giang

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, chế biến, vận chuyển khoáng sản, sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan, giải quyết các vướng mắc phát sinh và xử lý kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật của các đơn vị khai thác khoáng sản trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo UBND các xã có dự án khai thác khoáng sản tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về hoạt động khai thác khoáng sản, môi trường trên địa bàn theo chức năng nhà nước được phân cấp.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với việc ký quỹ, thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các mỏ khai thác khoáng sản trên địa bàn sau khi hết thời hạn cấp phép khai thác, đóng cửa mỏ.

2. Xử lý về kinh tế

a) Yêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư Tư vấn và Xây dựng Bình An Phú nộp ngân sách nhà nước các khoản thuế, Phí BVMT chưa nộp theo hệ thống quản lý thuế của nhà nước số tiền 149.012.000 đồng (Thuế TN 113.699.449 đồng và Phí BVMT 35.312.560 đồng của năm 2023 (tính đến tháng 9/2023) do Công ty đã kê khai, nhưng chưa nộp.

b) Thu hồi nộp Ngân sách Nhà nước qua tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh Quảng Nam số 3949.0.1061511.00000 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Nam với tổng số tiền sai phạm phát hiện qua thanh tra là **324.347.216** đồng, trong đó:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Tư vấn và Xây dựng Bình An Phú số tiền 33.421.000 đồng (*Kê khai thiếu Phí BVMT số tiền 3.274.000 đồng; Chưa kê khai và nộp Phí BVMT liên quan đến đất bóc tầng phủ xúc đổ bãi thải từ năm 2021 đến năm 2023 số tiền 11.238.000 đồng; Chưa kê khai và nộp Phí BVMT đối với nước thải công nghiệp năm 2022 và năm 2023 số tiền 5.000.000 đồng; Chưa kê khai Thuế TNDN đối với 170 m³ đá 1x2 xuất sử dụng cho công trình của Công ty với số tiền 13.909.000 đồng).*

- Công ty TNHH Sản xuất dịch vụ và Thương mại Bàn Sơn số tiền 135.530.560 đồng (*liên quan đến khối lượng đất sét tận thu trong quá trình bóc đất tầng phủ từ năm 2019 đến năm 2020 là 4.892,8 m³).*

- Công ty Cổ phần Công trình Giao thông vận tải Quảng Nam số tiền 17.900.726 đồng (*do chưa kê khai sản lượng đá hộc tồn kho 977 m³ năm 2023).*

- Doanh nghiệp Tư nhân Tiến Thịnh số tiền 21.510.000 đồng (*do chưa kê khai và nộp Thuế TN và Phí BVMT đối với khối lượng đá đã khai thác (đá sau nổ mìn) là 1.617,25 m³).*

- Công ty TNHH Xây dựng – Dịch vụ vận tải và Thương mại Chiến Khánh số tiền 115.984.930 đồng (*số tiền thuế, phí phải nộp đối với khối lượng sỏi*



2.122,44 m³ khai thác chưa kê khai là 66.278.000 đồng và số tiền phí BVMT thiếu 49.706.930 đồng do áp dụng mức phí sai quy định).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

3. Xử lý khác

- Đối với Công ty Cổ phần Đầu tư KONGO:

+ Tiếp tục liên hệ với cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn và lập thủ tục gia hạn thời gian thuê đất đối với 19.341 m² đất để xây dựng Khu chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

+ Hủy hợp đồng cho Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Chí Thiện Phú thuê và sử dụng trạm cân theo đúng quy định tại khoản 2, Điều 42 Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

- Đối với Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Phan Ngọc Anh: Tổ chức Lắp đặt trạm cân và camera theo đúng quy định tại khoản 2, Điều 42 Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

- Đối với Công ty TNHH Sản xuất dịch vụ và Thương mại Bàn Sơn:

+ Liên hệ với các cơ quan chức năng tổ chức cấm lại một số cọc mốc các điểm góc của mỏ theo đúng giấy phép được cấp do đã bị di dời.

+ Kiểm tra, rà soát và thông báo bằng văn bản về trình độ chuyên môn, năng lực của Giám đốc mỏ, đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác khoáng sản gửi cho cơ quan nhà nước.

+ Tổ chức lắp đặt trạm cân và camera theo đúng quy định tại Khoản 2, Điều 42 Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

- Đối với Công ty TNHH Xây dựng – Dịch vụ vận tải và Thương mại Chiến Khánh, Doanh nghiệp Tư nhân Tiến Thịnh, Công ty Cổ phần Thăng Hoa và Công ty Vạn Tín Thành: Do hiện nay mỏ khai thác khoáng sản đã hết hạn cấp phép khai thác, ngừng hoạt động. Đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện việc đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường, lập các thủ tục tiếp tục khai thác (nếu có) theo đúng quy định.

Yêu cầu Sở TN&MT; Chủ tịch UBND các huyện: Nam Trà My, Phú Ninh, Duy Xuyên, Đông Giang xây dựng Kế hoạch thực hiện Kết luận thanh tra; yêu cầu các đơn vị, doanh nghiệp (Công ty Bình An Phú; Công ty Bàn Sơn; Công ty CP CTGTVT Quảng Nam; Doanh nghiệp Tư nhân Tiến Thịnh; Công ty Chiến Khánh) có trách nhiệm nộp tiền sai phạm vào Tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh trước ngày 29/02/2024 (Tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh Quảng Nam: Số 3949.0.1061511.00000 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Nam).

Giao Phòng Nghiệp vụ 4 (thuộc Thanh tra tỉnh Quảng Nam) theo dõi và đôn đốc thực hiện kết luận, kiến nghị, Văn bản xử lý kết luận thanh tra nhằm thường xuyên nắm bắt thông tin về tình hình thực hiện Kết luận, kiến nghị, Văn bản xử lý kết luận thanh tra của đối tượng thanh tra, cơ quan quản lý đối tượng thanh tra, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc chấp hành các quy định của nhà nước về hoạt động khoáng sản trên địa bàn các huyện: Nam Trà My, Phú Ninh, Duy

Xuyên, Đông Giang tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2015 - 2022, Thanh tra tỉnh đề nghị Sở TN&MT; Chủ tịch UBND các huyện: Nam Trà My, Phú Ninh, Duy Xuyên, Đông Giang; các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện Kết luận thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện (bằng văn bản) về Thanh tra tỉnh Quảng Nam trước ngày 29/02/2024./.

Nơi nhận:

- TTCP, Cục II - TTCP (b/cáo);
- TT HĐND và UBND tỉnh (b/cáo);
- UBND Tỉnh ủy (theo dõi);
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (theo dõi);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy (theo dõi);
- Sở TN&MT (thực hiện);
- UBND các huyện: Nam Trà My, Phú Ninh, Duy Xuyên, Đông Giang (thực hiện);
- Các đơn vị, doanh nghiệp: Công ty Bình An Phú; Công ty KONGO; Công ty Vạn Tín Thành; Công ty Tân Phước Yên; Công ty Phan Ngọc Anh; Công ty Bàn Sơn; Công ty CP CTGTVT Quảng Nam; Doanh nghiệp Tư nhân Tiến Thịnh; Công ty Chiến Khánh (thực hiện);
- Lưu: VT, ĐTTTr, NV4.



CHÁNH THANH TRA

Nguyễn Đức Tiến





BẢNG TỔNG HỢP SAI PHẠM VỀ KINH TẾ

Thanh tra việc chấp hành các quy định của nhà nước về hoạt động khoáng sản trên địa bàn các huyện:

Nam Trà My, Phú Ninh, Duy Xuyên, Đông Giang tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2015 - 2022

(Đính kèm theo Kết luận thanh tra số /KL-TTT ngày /12/2023 của Thanh tra tỉnh)

D.V.T: Đồng

Stt	Nội dung sai phạm	Số tiền sai phạm	Đơn vị, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm	Kiến nghị xử lý		Chương, nguồn, tiêu mục		
				Thu hồi nộp NSNN	Chấn chỉnh CTQL	Chương	Tiêu mục	Mã số thuế
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Tư vấn và Xây dựng Bình An Phú	33.421.000	Công ty Cổ phần Đầu tư Tư vấn và Xây dựng Bình An Phú	33.421.000				4.001.085.388
-	Kê khai thiếu Phí BVMT	3.274.000		3.274.000		754	2625	
-	Chưa kê khai và nộp Phí BVMT liên quan đến đất bóc tầng phủ xúc đồ bãi thải từ năm 2021 đến năm 2023	11.238.000		11.238.000		754	2625	
-	Chưa kê khai và nộp Phí BVMT đối với nước thải công nghiệp năm 2022 và năm 2023	5.000.000		5.000.000		754	2618	
-	Chưa kê khai Thuế TNDN đối với 170 m ³ đá 1x2 xuất sử dụng cho công trình của Công ty	13.909.000		13.909.000		754	1052	
2	Công ty TNHH Sản xuất dịch vụ và Thương mại Bàn Sơn	135.530.560	Công ty TNHH Sản xuất dịch vụ và Thương mại Bàn Sơn	135.530.560				4.000.556.309
-	Thuế TN liên quan đến đất sét tận thu bóc đất tầng phủ chưa kê khai	124.766.400		124.766.400		754	1555	
-	Phí BVMT liên quan đến đất sét tận thu bóc đất tầng phủ chưa kê khai	10.764.160		10.764.160		754	2625	
3	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông vận tải Quảng Nam	17.900.726	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông vận tải Quảng Nam	17.900.726				4.000.390.766
-	Thuế TN chưa kê khai sản lượng đá học tồn kho 977 m ³ năm 2023	14.655.000		14.655.000		754	1555	
-	Phí BVMT chưa kê khai sản lượng đá học tồn kho 977 m ³ năm 2023	3.245.726		3.245.726		754	2625	
4	Doanh nghiệp Tư nhân Tiến Thịnh	21.510.000	Doanh nghiệp Tư nhân Tiến Thịnh	21.510.000				4.000.384.508
-	Thuế TN đối với khối lượng đá đã khai thác (đá sau nổ mìn) 1.617,25 m ³	16.173.000		16.173.000		754	1555	
-	Phí BVMT đối với khối lượng đá đã khai thác (đá sau nổ mìn) 1.617,25 m ³	5.337.000		5.337.000		754	2625	
5	Công ty TNHH Xây dựng – Dịch vụ vận tải và Thương mại Chiến Khánh	115.984.930	Công ty TNHH Xây dựng – Dịch vụ vận tải và Thương mại Chiến Khánh	115.984.930				4.000.406.712
-	Thuế TN đối với khối lượng sỏi 2.122,44 m ³ khai thác chưa kê khai	54.605.000		54.605.000		754	1555	
-	Phí BVMT đối với khối lượng sỏi 2.122,44 m ³ khai thác chưa kê khai	11.673.000		11.673.000		754	2625	
-	Phí BVMT do áp dụng mức phí sai quy định	49.706.930		49.706.930		754	2625	
	Tổng cộng	324.347.216		324.347.216	0			